

Số: /QĐ-UBND Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn 1, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 8774/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn 1, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/01/2021 của HĐND xã Hợp Tiến khóa XVII, kỳ họp thứ 12 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn 1, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 49/TĐ-KTHT ngày 02/3/2021 và UBND xã Hợp Tiến tại Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 27/02/2021.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn 1, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn 1, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

**3. Địa điểm xây dựng:** Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**4. Chủ đầu tư:** UBND xã Hợp Tiến.

**5. Giải pháp thiết kế:**

**5.1. Tuyến 1:**

Tổng chiều dài tuyến  $L=216,18\text{m}$ , chiều rộng nền đường  $B_n=12,5\text{m}$ , chiều rộng mặt đường  $B_m=7,5\text{m}$  (trong đó mặt đường BTXM hiện trạng rộng  $3,5\text{m}$ ), chiều rộng vỉa hè  $B_{vh}=5,0\text{m}$ . Giai đoạn này chỉ đắp đất K95 từ mép mương thoát nước hiện trạng vào đến mặt bằng khu dân cư.

**5.2. Tuyến 2, 3, 4:**

Tuyến 2 và tuyến 3 có chiều dài  $L=34,1\text{m}$ , tuyến 4 dài  $33,16\text{m}$ ; quy mô các tuyến như sau: chiều rộng nền đường  $B_n=17,5\text{m}$ , chiều rộng mặt đường  $B_m=7,5\text{m}$ , chiều rộng vỉa hè  $B_{vh}=2 \times 5,0\text{m}=10,0\text{m}$ . Mặt đường BTXM đá  $1 \times 2$  M250 dày  $20\text{cm}$ , dưới lót ni lông tái sinh và lớp móng CPĐD loại II dày  $16\text{cm}$ , vỉa hè đắp đất đầm chặt K95.

**5.3. Rãnh thoát nước:**

Xây nâng cao đoạn rãnh thoát nước hiện trạng dọc tuyến 1 dài  $216,18\text{m}$  bằng gạch bê tông đặc VXM M75 cao trung bình  $35\text{cm}$ , trát thành trong và mặt trên đoạn nâng cao bằng VXM M75 dày  $1,5\text{cm}$ . Đối với đoạn rãnh giao với các tuyến 2,3,4 lắp đặt tấm đan BTCT đá  $1 \times 2$  M250 dày  $12\text{cm}$ , kích thước tấm đan  $0,75 \times 1,0\text{m}$ .

**6. Giá trị dự toán và nguồn vốn:**

**6.1. Giá trị dự toán: 742.965.000 đ.**

*(Bảy trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	616.033.000 đ
- Chi phí QLDA	12.379.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	71.869.000 đ
- Chi phí khác	7.047.000 đ
- Chi phí dự phòng	35.366.000 đ

*(có biểu chi tiết kèm theo)*

**6.2. Nguồn vốn:** Từ nguồn cấp quyền sử dụng đất của mặt bằng quy hoạch điểm dân cư thôn 1, xã Hợp Tiến.

**7. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**8. Thời gian thực hiện:** Trong năm 2021.

**Điều 2.** Giao UBND xã Hợp Tiến (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã Hợp Tiến và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## DỰ TOÁN

### CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỂM DÂN CƯ THÔN 1 XÃ HỢP TIỀN, HUYỆN TRIỆU SƠN

*Đơn vị tính: đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>560.030.000</b>	<b>56.003.000</b>	<b>616.033.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>12.378.903</b>		<b>12.378.903</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>65.335.746</b>	<b>6.533.575</b>	<b>71.869.321</b>
1	Khảo sát	18.483.636	1.848.364	20.332.000
2	Lập Báo cáo KT-KT	32.481.740	3.248.174	35.729.914
3	Giám sát thi công xây dựng	14.370.370	1.437.037	15.807.407
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>7.046.957</b>		<b>7.046.957</b>
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	141.112		141.112
2	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	2.874.074		2.874.074
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	4.031.771		4.031.771
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>32.239.580</b>	<b>3.126.829</b>	<b>35.366.409</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>677.031.186</b>	<b>65.663.403</b>	<b>742.694.589</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>			<b>742.695.000</b>

*Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng./.*